



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV# _____

WEWL# _____

I-171 _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DANG DUNG
Last Middle First

Current Address: 103/3 Ng 3 Tam Dinh Ben Cat Long Be

Date of Birth: 01-01-1946 Place of Birth: Thanh Hoa

Previous Occupation (before 1975) V. Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-27-75 To 01-31-1981
Years: 05 Months: 06 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
Name ARLINGTON, VA 22205-0635

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION :

Kính gửi Bà!

Kính thưa Bà, nay tôi mạn phép
viết lá thư này kèm theo hàng tập hồ sơ,
tôi mong rằng nó sẽ được tới tay Bà;

Kính thưa Bà, sau bao nhiêu tháng năm
đãi mà tôi đã nằm trong hai cái trại, tôi
hy vọng rằng tôi sẽ có được ngày vui;

Hôm nay tôi đã có được một tập hồ sơ của
Hội Gia Đình Tự Nhân Chính Trị V.N do Bà
thành lập. Vì thế tôi rất mừng viết gửi cho
Bà.

Kính thưa Bà, hồi khi vào quân đội
Việt Nam, tôi đã là nhân viên của hai đơn
vị Mỹ chiến đấu tại Việt Nam:

170 - 1st Log. command APO 96307

290 506th Field Depot APO 96491

Cả hai Bồ chỉ huy quân nữ này đóng tại
Saigon. Sau cuộc chiến gay go xảy ra năm
1968, tôi phải xin nghỉ để vào quân đội VN.
Đến năm 1975 đất nước Việt Nam đã xảy
ra những chuyện gì chắc Bà đã biết.

Vậy nay tôi không mong gì hơn là xin
Bà cũng toàn thể Hội viên, Hội Gia Đình
Tự Nhân Chính Trị V.N cùng xét và giúp
tôi và thân nhân của tôi được nằm trong
danh sách của những người được đi định
cư tại Mỹ.

Đó là do lòng nhân đạo của Bà và cũng toàn thể hội viên.

Trong khi chờ đợi nữ hội báo của Bà, Cầu chúc Bà và toàn thể Hội viên khỏe mạnh và an lành hầu thúc tiến mọi công việc đều tốt đẹp.

Trân trọng chào Bà.

Nguyễn Đăng Dũ

Đã có thư 4/c

lập 4/c

6/1/89

Kính gửi Bà!

Kính thưa Bà, nay tôi mạn phép
viết thư này, kèm theo hàng tập hồ sơ,
hy vọng nó sẽ được tới tay Bà;

Kính thưa Bà, sau bao nhiêu tháng năm
đợi mà tôi đã nằm hàng hai cái tẩu, tôi
hy vọng rằng tôi sẽ có được ngày vui.
Hôm nay tôi đã có được một tập hồ sơ của
Hội Gia Đình Từ Nhân Chính Trị V.N do Bà
thành lập. Vì thế tôi rất mừng viết gửi cho
Bà.

Kính thưa Bà, hồi khi vào quân đội
Việt Nam, tôi đã là nhân viên của hai đơn
vị Mỹ chiến đấu tại Việt Nam:

170 - 1st Log. Command APO 96307
270 506th Field Depot APO 96491

Cả hai tôi chỉ làm quân nữ này đóng tại
Saigon. Sau cuộc chiến gay go xảy ra năm
1968, tôi phải xin nghỉ để vào quân đội VN
Đến năm 1975 đất nước Việt Nam đã xảy
ra những chuyện gì chắc Bà đã biết.

Vậy nay tôi không mong gì hơn là xin
Bà cũng toàn thể Hội viên, Hội Gia Đình
Từ Nhân Chính Trị V.N cân xét và giúp
tôi và thân nhân của tôi được nắm trong
danh sách của những người được đi định
cử tại Mỹ.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE 703-560-0058

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN DANG DUNG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goc),
DATE, PLACE OF BIRTH : Jan 1st 1946
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : AP 3 TAN DINH Sub-SECTOR, BEN CAT District
(Dia chi tai Viet-Nam) SONG BE PROVINCE
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 27-6-1975 To (Den) : 31-01-1981
PLACE OF RE-EDUCATION : TRAI TRANG-LON, TRAI AN-DUONG, TRAI SUI-Mau
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep) : FARMER
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : NONE
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : 2nd LIEUTENANT
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : Chief of AN-PHU LA THEU
District, BINH DUONG PROVINCE Date (nam) : 1974-1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : X
IV Number (So ho so) : NONE
No (Khong) : _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : _____
(Ten than nhan theo tung) Xin ghi ben sau voi day dia chi vi
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 350/47th LE VAN SY Street
Phuong 22, Quan 8 District, HO CHI MINH City
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) :
NONE
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (Co) : _____ No (Khong) : X
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : _____
NAME & SIGNATURE : NGUYEN-DANG-DUNG
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) : [Signature]
DATE : August 29 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN DANG - DUNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE THI LUY	17-04-1949	WIFE
NGUYEN DANG DUY	29-09-1973	SON
NGUYEN DANG DUONG	11-10-1975	SON
NGUYEN DANG DZU	16-11-1981	SON
LE THI XAU	1919	Mother in Law
NGUYEN THI MINH THANH	27-08-1980	Aunt

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

NGUYEN THI MINH THANH địa chỉ 359/47^H LE-VAN-SY
Street, phường 22, Quận 3 District, Ho Chi-Minh City

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRI
VIỆT NAM

P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc
gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thợ)

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL-PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0535
TELEPHONE 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL # _____
I-171 : Yes _____ No _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DANG DUNG
Last Middle First
Current Address ẤP 3 TAN DINH SUB-SECTOR BEN CAT DISTRICT SONG BE PROVINCE
Date of Birth Jan 1st 1946 Place of Birth THANH HOA PROVINCE
Previous Occupation (before 1975) 2nd LIEUTENANT, Chief of AN PHU SUB-SECTOR
(Rank & Position) LI THIEU DISTRICT, BINH DUONG PROVINCE
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 27-6-1975 To 31-1-1981
3. SPONSOR'S NAME: NONE
Name
NONE
Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>NONE</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the CCP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Filled: August 29th 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN - DANG - DUNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE - THI - LUY	17-04-1949	Wife
NGUYEN - DANG - DUY	25-09-1973	SON
NGUYEN - DANG - DUONG	11-10-1975	SON
NGUYEN - DANG - DZU	16-11-1981	SON
LE - THI - XAU	1919	My mother in law
NGUYEN - THI - MINH - THANH	27-08-1930	My Aunt

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Nguyen Thi Minh Thanh địa chỉ số 350/47^H
LE-VAN-Sy Street Phường 22, Quận 3 District, Ho-chi-Minh
city

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

**HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM**

P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thơ)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE 703-560-0056

INTAKE FORM (Two Copies)
Mẫu Đơn Về Lý Lịch

NAME (Tên Tu-nhan) : NGUYEN DANG DUNG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : Jan 1st 1946
(Nam, nơi sinh) Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (Nam hay Nữ) : Male (Nam) : X Female (Nữ) : _____
MARITAL STATUS Single (Độc thân) : _____ Married (Có lập gia đình) : X
(Tình trạng gia đình)
ADDRESS IN VIETNAM : AP 3 TAN DINH Sub-Sector, BEN CAT District
(Địa chỉ tại Việt-Nam) SONG BE PROVINCE
POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không) : Yes (Có) X No (Không) _____
If Yes (Nếu có) : From (Từ) 27-6-1975 To (Đến) 31-1-1981
PLACE OF RE-EDUCATION : TRẠI TÙ TRANG-LON, TRẠI AN-DUONG, TRẠI SƯỚI MAU
CAMP (Trại tù)
PROFESSION (Nghề nghiệp) : FARMER
EDUCATION IN U.S. (Du học tại Mỹ) : NONE
VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc) : 2nd LIEUTENANT
VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ) : Chief of AN PHU LAI THIEU
District, BINH DUONG Province (Date (năm) : 1974-1975)
APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP) : Yes (Có) : X
IV Number (Số hồ sơ) : NONE
No (Không) : _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) : _____
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết
MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN) : 359/47th LE-VAN-SY ST.
Phường 22, Quận 3 District, HO-CHI-MINH City
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ) :
NONE
U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ) : Yes (có) : _____ No (Không) : X
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN) : _____
NAME & SIGNATURE : NGUYEN DANG DUNG
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Tên, Chỗ ở, Địa chỉ và Điện thoại của người liên lạc này) : [Signature]
DATE : August 25 1988
Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DANG - DUNG

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE THI LUY	17-04-1949	Wife
NGUYEN DANG DUU	29-09-1973	Son
NGUYEN DANG DUONG	11-10-1975	Son
NGUYEN DANG DZU	16-11-1981	Son
LE THI XAU	1919	Mother in Law
NGUYEN-THI-MINH-THANH	27-08-1930	Aunt

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

NGUYEN-THI-MINH-THANH địa chỉ số 359/47^HLE-VAN-SY Street Phường 22 Quận 3 District Ho-Chi-Minh City

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ

VIỆT NAM

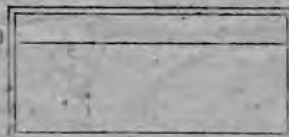
P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc
gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thợ)

BƯU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Việt Nam

(1)



HD. 29
(29 và 29a)

C. 5

Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis

BƯU CHÍNH
Service des Postes

GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận
Réception

Trả tiền
Payement



Mẫu 7: - 15 x 10

(3)

Địa chỉ:

Adresse:

NGUYEN-DANG-DUNG

55/47⁴ LE-VAN-Sig. Street F. 22 Quận 3

ở

(à District)

nước

(Pay) HO-CH-MINH city Vietnam

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion »
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion »
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (*Biffer ce qui ne convient pas*).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bureau cục gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)

Envoi recommandé

ký gửi tại Bureau cục

déposé au bureau de poste de

ngày

19

SỐ

le

19

sous le n°

địa chỉ người nhận

Adresse du destinataire

BÀ KHUÊ MINH - THO

PO - BOX 5655 ARLINGTON

VA - 22205 0655 U.S.A

Ghi ở Bureau cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.

Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

le

Chữ ký người nhận

Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên

Bureau cục nhận

Signature de l'agent

du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận

Timbre du bureau

destinataire

BÍ CHỮ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền ».
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

22 1990
02

Kính gửi Bà!

Kính thưa Bà! Nay tôi lại viết gửi về Bà lá thư này. Tôi cần mong sao lá thư này tới tay Bà.

Kính thưa Bà! Một sắp hồ sơ cũng là thư mà tôi đã gửi cho Bà, tôi không biết nó đã đi về đâu? Có tới được tay Bà hay không? Suốt mấy tháng nay tôi mong chờ một nữ tốt đẹp đến với tôi. Những nữ mong chờ đó càng ngày càng xa với. Tôi không biết nữ ra đi theo chương trình H.O này cho những thành phần có bảo lãnh từ Bên Mỹ hay là cho cả những thành phần như tôi. Tôi không có thân thuộc bên Mỹ hay là ở các nước khác bảo lãnh. Tôi thuộc dạng có thân tôi mà vì thế kể như tôi không được cứu xét.

Trường hợp này, có những người học tập cái tạo thời gian ít hơn tôi, nhưng mà người ta đã có những giấy tờ xuất cảnh và nhập cảnh xong xuôi ~~đi~~ hết rồi!

Còn nhiều những người anh
em như tôi vẫn hoàn công
chỗ dờ. Tôi biết người ta chạy
tiền. Nhưng với tôi chuyện
đó không bao giờ có.

Kính thưa Bà! Tôi biết là
thứ này nên tôi tay Bà, là tôi
lâm phiền lòng Bà nhiều lắm.
Những xin Bà thứ lỗi cho, vì
sự mong lòng chỗ dờ có kết
quả hay là không có kết quả
đến với tôi, vì thế xin Bà hiểu
cho hoàn cảnh của tôi hiện giờ.

Kính thưa Bà! Nếu như được
hồ sơ mà tôi gửi về Bà đây
đủ hết, thì tôi xin Bà hãy
xin và gửi cho tôi, tờ hồ
sơ bảo trợ của số () LOT#
Nếu có xin Bà gửi gáp về
cho tôi.

Một lần nữa tôi thành
thật cảm ơn Bà, và cầu
chúc Bà cũng luôn luôn
vui bằng an khỏe mạnh
hân xúc tiến mọi công việc
tốt đẹp.

Xinh chào Bà.



Nguyễn Đăng - Dũng

---*---

Ngày 11 Tháng 10 Năm 1989.

Kính gửi : Ông Nguyễn Đăng Dung

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà để ngày

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại thịnh tình đó, chúng tôi luôn luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi diễn tiến điều hòa để sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dồn phướng được những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên tích cực tự lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tránh đề cập tới. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thư,

Khúc Minh Thơ

★ HỒ SƠ TÊN:

☒ ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẸM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

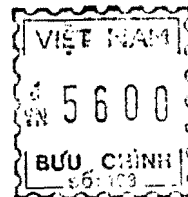
★ TÀI LIỆU CẦN BỔ TÚC:

- ☒ Hồ sơ bảo trợ ☐ IV# , ☐ LOI , ☐ Exit visa , ☐ I-171 , ☒ GIẤY RA TRẠI
☒ Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
☐ Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
☐ Giấy báo tử (nếu chết trong trại học tập)
☒ Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ) huy chương v.v...

★ CÁC THƯ KHÁC:

FROM: NGUYỄN-DĂNG-DŨNG
359/47^H LÊ-VĂN-SỸ St.
PHƯỜNG 22- QUẬN 3
HỒ-CHÍ-MINH/CITY

MAR 1 2 1990



TO:
MRS. KHÚC-MINH-THO
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635
U.S.A

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL-PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VERL # _____
1-171 : Yes _____ No _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

- APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DANG DUNG
Last Middle First
Current Address AP 5 TAN DINH SUB-SECTOR, BEN CAT DISTRICT, SONG BE PROVINCE
Date of Birth Jan 1st 1946 Place of Birth THANH HOA PROVINCE
Previous Occupation (before 1975) and LIEUTENANT, chief of AN PHU sub-sector
(Rank & Position) in THUAN DISTRICT, BINH DUONG PROVINCE
- TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 27-6-1975 To 31-1-1981
- SPONSOR'S NAME: NONE
Name
NONE
Address & Telephone
- NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>NONE</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the CDP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 may do so.

Date Prepared: August 29th 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN DANG DUNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE THI LUY	17-04-1949	WIFE
NGUYEN DANG DUY	29-09-1978	SON
NGUYEN DANG DUONG	11-10-1975	SON
NGUYEN DANG DZU	16-11-1981	SON
LE THI XAU	1919	Mother in Law
NGUYEN THI MINH THANH	27-08-1930	Aunt

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

NGUYEN - THI - MINH THANH địa chỉ 359/47^H LE VAN SY
Street, phường 22, Quận 5 District, HO CHI MINH City

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ

VIỆT NAM

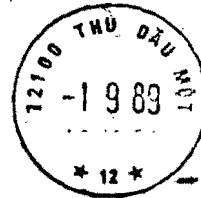
P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thơ)

FROM: NGUYEN-DANG, DUNG
359/47^H LE-VAN-SY St.
F22. QUAN 3 District
HO-CHI-MINH City

Per Avion

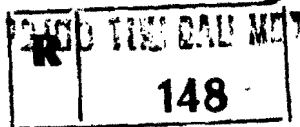


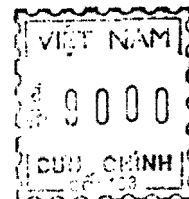
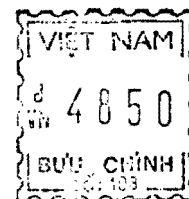
SEP. 21 1989

TO

BÀ KHUC-MINH-THO
PO-BOX 5435 ARLINGTON
VA-22205 - 0635

U.S.A





Ngày 04 tháng 11 năm 1989

Kính gửi: Bà

Bởi nhân được thư và kèm theo
bộ INTAKE FORM của Bà, tôi rất vui mừng
và cảm động rất nhiều.

Kính thưa Bà, nay tôi đã làm xong
tất cả các giấy tờ cần thiết và tôi đã gửi
đi theo đường bưu-điện. Tôi mong rằng
tồn bộ hồ sơ của tôi sẽ tới tay Bà cũng
sớm cũng tốt.

Ông nhiên, tôi có hai trường hợp khó
giải quyết, mà bên phía Việt Nam không
chính cho tôi nộp hồ sơ, đó là:

1%. Trước năm 1975 hộ khẩu của tôi ở Saigon,
tôi sống chung cũng có một là một người đàn
bà không chồng không con, có tôi đã nuôi tôi
từ nhỏ tới lớn. Sau năm 1975 tôi phải đi
"lập trung cải tạo" cho tới tháng 01-1981
mới được thả về. Sau khi về thì chính quyền
địa-phương, cũng như trên quân và tỉnh,
không cho tôi ở Saigon, mà bắt vợ chồng,
và các con tôi đi lập nghiệp vùng kinh tế
mới. Đến nay chính phủ Hoa-Kỳ cho phép
những người như tôi ra đi, vì thế tôi muốn
được đem cô tôi đi theo. Xin Bà cử xét
và giúp đỡ tôi.

2%. Hiện giờ vợ chồng tôi đang sống và nuôi
một bà mẹ (Mẹ vợ tôi). Mẹ vợ tôi không còn
anh em ruột thịt, chỉ được một mình vợ tôi
là con, vì thế đang sống dưới sự nương tựa
vào vợ chồng tôi. Tôi cũng mong muốn khi
vợ chồng và các con tôi được ra đi, tôi cũng
mong sao đem được mẹ tôi đi theo.

Hiện giờ chính quyền Việt Nam không cho tôi nộp đơn cho hai người nói trên.

Tuy vậy tôi cũng điền tên cô tôi và mẹ vào tờ trong hồ sơ của Bà. Tôi mong rằng nữ giúp đỡ và can thiệp của Bà cũng toàn thể hội viên sẽ đem lại kết quả tốt đẹp.

Một lần nữa vợ chồng và các con tôi cảm ơn Bà và toàn thể hội viên đã và đang nghĩ tới, cũng như đang xúc tiến công việc để mau sớm có kết quả.

Đoàn thể gia đình tôi cầu chúc Bà và toàn thể hội viên bằng an và khỏe mạnh hầu giúp đỡ những người anh em như tôi.

Kính chào Bà cùng toàn thể hội viên.

A QUM

Dính kèm:

- 12. Bản khai sanh.
- 02. Giấy chứng Minh Nhân Dân của mẹ và tôi.
- 02 giấy ra trái.
- 02 Mẫu đơn về lý lịch
- 02 Questionnaire for O.D.P Applicants.
- 02 chứng chỉ học Rada
- 02 Bản chứng chỉ tốt nghiệp "Chí Huy Xã"
- 02 Bản trích lục Chứng Thử Hôn Thử.

Thư nhận được xin Bà hồi âm cho tôi biết, vì tôi sợ thất lạc. Cảm ơn Bà.

A QUM

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN DẰNG DŨNG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : Tan 1 1946
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 10/3 ẤP 3 XÃ TÂN-ĐÌNH, HUYỆN BẾN CÁT
 (Dia chi tai Viet-Nam) SÔNG BÈ PROVINCE

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 27-06-1975 To (Den): 31-01-1981

PLACE OF RE-EDUCATION: TÂN HIỆP, SƯỜI MÁU, BIÊN HÒA PROVINCE
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): FARMER

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 2nd / LT
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Chief of AN PHU Sub-SECTOR
Lai Thieu District BINH DUONG Province Date (nam): 1974 - 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): X

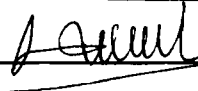
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 06 người
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 359/47^H LÊ VĂN SÌ ST
Phường 22 Quận 3 Hồ Chí - MINH City

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: NGUYỄN - DẰNG - DŨNG 
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
10/3 ẤP 3 XÃ TÂN ĐÌNH, HUYỆN BẾN CÁT, SÔNG BÈ PROVINCE

DATE: NOV 1980
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LÊ THỊ LŨY		WIFE
NGUYỄN ĐĂNG DUY		SON
NGUYỄN ĐĂNG DUONG		SON
NGUYỄN ĐĂNG DZU		SON
NGUYỄN - THỊ - MINH - THANH		My AUNT
LÊ THỊ XÂU		Mother in Law

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN DẰNG DŨNG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 30 01 1946
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 10/3 Ấp 3 Xã Tân-ĐÌNH, Huyện BẾN CÁT
 (Dia chi tai Viet-Nam) Sông Bè Province

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 27-06-1975 To (Den): 31-01-1981

PLACE OF RE-EDUCATION: TÂN-HIỆP, SÚỐI MÀU, BIÊN-HÒA PROVINCE
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): FARMER

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 2nd / LT
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Chief of AN-Phu Sub-Sector
Lai Thiệu District, Bình Dương Province Date (nam): 1974-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 06 ngươi
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiec

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 359/47^H LÊ-VĂN-Sİ, Phường 22,
Quận 3 Hồ-Chí-Minh City.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: _____
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYỄN-DẰNG-DŨNG
10/3 Ấp 3 xã TÂN-ĐÌNH, Huyện BẾN CÁT, Tỉnh Sông Bè

DATE: 11 (NOV) 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LÊ THI LỮY		WIFE
NGUYEN ĐANG DUY	SEP. 29. 1973	SON
NGUYEN ĐANG DUONG	OCT. 11. 1975	SON
NGUYEN ĐANG DZU	NOV. 16. 1981	SON
NGUYEN - THI - MINH - THANH		MY AUNT
LÊ. THI XÂU		MOTHER IN LAW

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

QUẬN CHÂU-THÀNH

XÃ TÂN-ĐÌNH

Số hiệu 04

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 06 tháng 02 năm 1973

Tên họ chồng . . .	NGUYỄN-DANG-DUNG
Ngày và nơi sanh . . .	01.01.1946 tại Thanh-Hóa
Tên họ cha chồng . . .	NGUYỄN-VĂN-THÂN
Tên họ mẹ chồng . . .	LÊ-THỊ-TRINH
Tên họ vợ	LÊ-THỊ-LUY
Ngày và nơi sanh . . .	17.04.1949 tại Tân-Định
Tên họ cha vợ . . .	VÕ-DANH
Tên họ mẹ vợ . . .	LÊ-THỊ-XU
Ngày lập hôn-thú . . .	Ngày 06 tháng 02 năm 1973
Có lập hôn khế không .	//

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Tân-Định

ngày 07 tháng 12 năm 1973

Xs-Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,

NGUYỄN-VĂN-CUA
Xs-TRƯỞNG

KHOÀI THỊ THỰC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

QUẬN CHÂU-THÀNH

XÃ TÂN-ĐÌNH

Số hiệu 04

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THỦ

Lập ngày 06 tháng 02 năm 1973

Tên họ chồng . . .	NGUYỄN-ĐANG-DŨNG
Ngày và nơi sanh . . .	01.01.1946 tại Thanh-Hóa
Tên họ cha chồng . . .	NGUYỄN-VĂN-THÂN
Tên họ mẹ chồng . . .	LÊ-THỊ-TRÌNH
Tên họ vợ	LÊ-THỊ-LŨY
Ngày và nơi sanh . . .	17.04.1949 tại Tân-Định
Tên họ cha vợ . . .	VŨ-DANH
Tên họ mẹ vợ . . .	LÊ-THỊ-XUÂN
Ngày lập hôn-thủ . . .	Ngày 06 tháng 02 năm 1973
Có lập hôn khế không .	//

KHỎI THỊ THỰC

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH
Tân-Định ngày 07 tháng 12 năm 1973

Xs-Trưởng, kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,

NGUYỄN-VĂN-CỬA
XÃ-TRƯỞNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

QUẬN Châu-thành

Xã Phú-cường

Số nhà 3512

HKL-10

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

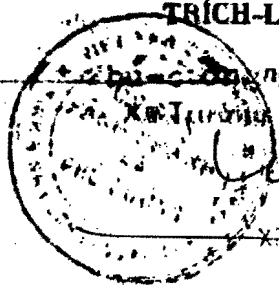
Lập ngày 02 tháng 10 năm 1973

MIỄN XÍ
Qua nhận

Tên họ đứa trẻ . . .	Nguyễn - Đăng - Quý
Con trai hay con gái . . .	Nam
Ngày sinh . . .	Ngày hai mươi chín tháng chín, năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba.
Nơi sinh . . .	Phú-cường
Tên họ người cha . . .	Nguyễn - Đăng - Dũng
Tên họ người mẹ . . .	Lê - Thị - Luyến
Vợ chánh hay không có hôn thú . . .	Chánh, hôn thú số 04 lập tại Tân-Dinh
Tên họ người đứng khai . . .	Nguyễn-Chang-Thái

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

MIỄN XÍ THỰC
Số 4386-BV/HC/29



Ngày 02 tháng 10 năm 1973

Xã trưởng kiêm Ủy-Văn Hộ-Tịch

LE-VAN-NEN

Xã trưởng kiêm Hộ-Tịch

VIỆT-NAM CÔNG-BOA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

QUẬN thành

là phủ-cường

Số hiệu 3612

MAL. 10

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 02 tháng 10 năm 1973

MIỀN PHÍ

qua nhân

Tên họ đứa trẻ . . .

Nguyễn - Đăng - Duy

Con trai hay con gái . . .

Con

Ngày sinh . . .

ngày hai mươi chín tháng chín, năm một

Nơi sinh . . .

năm chín trăm bảy mươi ba.

phủ-cường

Tên họ người cha . . .

Nguyễn - Đăng - Dũng

Tên họ người mẹ . . .

Lê - Thị - Lây

Vợ chánh hay không có
hôn thú . . .

chánh, hôn thú số 04 lập tại Tân-Dịnh

Tên họ người đứng khai . . .

Nguyễn-Trang-Thái

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

MIỀN THI-THỰC

Số 31/3436-BV/HC/29

Lập ngày 04 tháng 10 năm 1973

Xã trưởng kiêm Ủy-Văn Hộ-Tịch

LE-VAN-NEN

Xã trưởng kiêm Hộ-Tịch

Số : 4201 (1)

Ngày 4 tháng 4 năm 19 58 (1)

GIẤY THẾ - VÌ KHAI-SANH CHO

NGUYỄN ĐĂNG DUNG

Năm một ngàn chín trăm 58 ngày 4 tháng 4 hồi 10 giờ
Trước mặt chúng tôi là HUYNH KHAC DUNG, Chánh-án Tòa Hòa-Giải
Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
NGUYEN VAN KHUONG, phụ-tá

ĐÃ TRÌNH-DIỆN :

- 1.- NGUYEN XUAN DAU
- 2.- NGUYEN VAN THANH
- 3.- NGUYEN TUAT

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

NGUYỄN ĐĂNG DUNG (nam)
sinh ngày 01-01-1946 tại Hoàng Hóa, Thanh Hóa, con e'
của NGUYỄN VĂN THÂN và LÊ THỊ TRINH;

Và duyên cớ mà cha y không có thể xin sao lục
khai-sanh được, là vì sự giao thông gián đoạn.

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai
sinh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-dinh ngày 17 tháng 11
năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam Phần Việt-Nam. Các điều 363 và
tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội ngụy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù
và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,



LỤC-SAO Y, YEN/6
Saigon, ngày 11 tháng 11 năm 19 71
CHÍNH-LỤC-SỰ,

GIÁ TIỀN : 15\$00

(1) Chỉ tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.

PHÁP-CÔNG-NHIỆP

Số : 4201 (1)

Ngày 4 tháng 4 năm 19 58 (1)

GIẤY THẺ - VÌ KHAI-SANH CHO

NGUYỄN ĐĂNG DUNG

Năm một ngàn chín trăm 58 ngày 4 tháng 4 hời 10 giờ
Trước mặt chúng tôi là **HUYỄN KHAC DUNG**, Chánh-án Tòa Hòa-Giải
Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
NGUYEN VAN KHUONG, phu - tá

ĐÃ TRÌNH-DIỆN :

- 1.- **NGUYEN XUAN DAU**
- 2.- **NGUYEN VAN THANH**
- 3.- **NGUYEN TUAT**

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

NGUYỄN ĐĂNG DUNG (nam)
sinh ngày 01-01-1946 tại Hoàng Hóa, Thanh Hóa, con e'
của **NGUYỄN VAN THÂN** và **LÊ THỊ TRINH**;

Và duyên cớ mà cha y không có thể xin sao lục
khai-sanh được, là vì sự giao thông gián đoạn.

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai
sinh này cho đương-sự để xữ-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11
năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam Phần Việt-Nam. Các điều 363 và
tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù
và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,



LỤC-SAO Y, YEN/6
Saigon, ngày 11 tháng 11 năm 19 71
CHÁNH - LỤC - SỰ.

GIÁ TIỀN : 15800

(1) Chi tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.

PHÁP-CÔNG-NHIỆP

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
République du Viêt-Nam

TỐI-CAO PHÁP-VIỆN
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

NVN/6

HGRQ. BÌNH. DƯƠNG

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã Tân-Định

tỉnh BÌNH. DƯƠNG

(NAM-PHÂN)

(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1966

(Année)

SỐ HIỆU 49

(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	TÒA HGRQ. BÌNH. DƯƠNG, xử về việc hồ trọng phiên nhóm công khai ngày 25 tháng 5 năm 1966, có liên an số I223/ND mà chủ văn như sau :
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	
Sanh ngày nào (Date de naissance)	BỐI CÁC LỄ ẤY
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Chúng nhận Lê-thị-Xậu nhìn Lê-thị- Lủy là con y thị.
Tên, họ cha : (Nom et prénom du père)	Phan rằng : Lê-thị-Lủy (NỮ)
Cha làm nghề gì (Sa profession)	sanh ngày 17-4-1949, tại xã Tân-Định Bình-Dương, là con của Võ đánh và Lê-thị- Xậu.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	phan rằng án này thể-vi khai sanh cho trẻ ấy.
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	QUỐC Y THEO ÁN
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	BÌNH. DƯƠNG, ngày 26 tháng 2 năm 1970 chánh-lục-sự
Vợ chánh hay thứ. (Son rang de femme mariée)	(Ký tên và ấn dấu : Ngô-thế-Chỉ)

Chúng tôi _____
(Nous)

Chánh-án Toà _____
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông _____
(M)

Chánh-lục-sự Toà-án số tại _____
(Greffier en Chef du Tribunal)

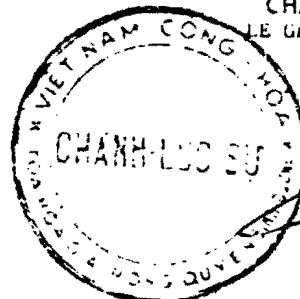
ngày _____

CHÁNH - ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

BÌNH. DƯƠNG ngày 26/2 1970

CHÁNH LỤC - SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF



Giá tiền: 15\$00
(Coût)

Biên-lai số: _____
(Quittance N°)

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
République du Viet-Nam

TỐI-CAO PHÁP-VIỆN
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

NVN/6

HGRQ BÌNH-DƯƠNG

BẢN TRÍCH-LỤC EỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh BÌNH-DƯƠNG

Xã Tân-Định

(NAM-PHẦN)

(Sud Viet-Nam)

NĂM 1966

(Année)

SỐ HIỆU 49

(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	TÒA HGRQ BÌNH-DƯƠNG, xử về việc hồ trọng phiên nhom công khai ngày 25 tháng 5 năm 1966, có lên án số 1223/NĐ mã chủ văn như sau :
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	
Sanh ngày nào (Date de naissance)	BỒI CÁC LỄ ẤY
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Chứng nhận Lê-thị-Xậu nhìn Lê-thị- Lủy là con y thị.
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phan rằng : Lê-thị-Lủy (NỮ)
Cha làm nghề gì (Sa profession)	sanh ngày 17-4-1949, tại xã Tân-Định Bình-Dương, là con của Võ danh và Lê-thị- Xậu.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	phan rằng án này thể-vĩ khai sanh cho trẻ ấy.
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	QUỐC Y THEO ÁN
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	BÌNH-DƯƠNG, ngày 26 tháng 2 năm 1970 chánh-lục-sự
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	(Ký tên và ấn dấu : Ngô-thế-Chí)

Chúng tôi

(Nous)

Chánh-án Toà

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của

(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông

(M)

Chánh-lục-sự Toà-án sở tại

(Greffier en Chef du Tribunal)

ngày 19

CHÁNH-ÁN,

(LE PRÉSIDENT)

Trích y bốn chánh,

(Pour extrait conforme)

BÌNH-DƯƠNG ngày 26/2 1970

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF



Giá tiền: 15\$00

(Cost)

Biên-lai số:

(Quittance No)

Thành phố, Tỉnh: Sài Gòn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mau HT2/P3

GIẤY KHAI SINH

So _____

Quyển số _____

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Đăng Dũng		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Hiện một tháng mười, năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm			
Nơi sinh	Xã Tân An, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Định			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Đăng Dũng 01-01-1946		Lê Thị Lý 17-04-1949	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam		Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	Lâm nghiệp Ấp III xã Tân An		Lâm nghiệp Ấp III xã Tân An	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng mình hoặc ENCC của người đứng khai	Nguyễn Đăng Dũng 01-01-46 Ấp III xã Tân An, Huyện Bến Cát, Bình Định Số giấy CMND: ...			

Đăng ký ngày 28 tháng 05 năm 1981

TM, LEND Xã Bản Dĩnh ký tên, đóng dấu

thi-rô họ, tên, chức vụ)

Ph: 1-800-456-7890

Agungin van Luit

Thành phố, Tỉnh: Sài Gòn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT2/P3

GIẤY KHAI SINH

Số

Quyển số _____

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Đăng Dũng		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Huê một tháng mười, năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm			
Nơi sinh	Xã Tân An, Huyện Bến Cát, Tỉnh Sông Bé			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Đăng Dũng 01.01.1946		Lê Thị Lựu 17.04.1949	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam		Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKK thường trú	Lâm nghiệp Ấp III xã Tân An		Lâm nghiệp Ấp III xã Tân An	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Đăng Dũng 01.01.46 Ấp III xã Tân An, Huyện Bến Cát, Sông Bé Số giấy CMND: "			

Đã ký ngày 26 tháng 05 năm 1981

TM, LEND Nguyễn Đình ký tên, đóng dấu

~~Chức vụ~~ họ, tên, chức vụ)

Phó ban công an xã

Agungin van Luit

Xã, thị trấn: Tân Bình

Thị xã, quận: Bến Cát

Thành phố, Tỉnh: Sông Bé

GIẤY KHAI SINH

Số 270

Quyền số

[illegible]

Họ và tên	NGUYỄN . ĐĂNG . DZU		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Ngày mười sáu tháng mười một năm một nghìn chín trăm tám mươi một (16.11.81)		
Nơi sinh	Xã Tân Định, Huyện Bình Cát, Tỉnh Sông Bé		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Đăng Hưng 37 tuổi	Đỗ Thị Luyến 34 tuổi	
Dân tộc	Sinh	Sinh	
Quốc tịch	Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Làm ruộng	
Nơi ĐKNK thường trú	Số 3 Xã Tân Định	Số 3 Xã Tân Định	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Đăng Hưng, 37 tuổi, Xã Tân Định, Huyện Bình Cát, Tỉnh Sông Bé		

Đăng ký ngày 02 tháng 04 năm 1952

TH/UBND Trần Văn Hùng ký tên, đóng dấu

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Phong Song, Ho

Август 1941 г. УИ

UNITED STATES OF AMERICA
DEPARTMENT OF THE ARMY
U.S.A.R.V.
II FIELD FORCES
CAPITAL MILITARY ASSISTANCE COMMAND

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU QLVNCH
VÙNG 3 CHIẾN THUẬT
BIỆT KHU THỦ ĐÔ

 CERTIFICATE OF TRAINING

 HÙNG - HỈ
—oOo—

This is to certify that
Chúng nhận

SGT. NGUYỄN ĐĂNG DŨNG SN : 66/172.113

has successfully completed
đã theo học có kết quả khóa

THEORY AND OPERATION OF RADAR SET AN/PPS-4A
LÝ - THUYẾT VÀ KHAI - THÁC RADAR AN/PPS-4A

Organized at Capital Military District, Saigon, Viet-Nam,
12-23 December 1969.

Tổ chức tại Biệt-Khu Thủ-Đô, Saigon, Việt-Nam
từ 12 đến 23 tháng 12 năm 1969.

By U.S. Army Electronics Command, Technical Assistance
Do Phụ-tá Kỹ-Thuật Điện-Tử Quân-Lực Hoa-Kỳ hướng dẫn

Sponsor U.S. Capital Military Assistance Command
Dưới sự bảo trợ của Bộ Tư-Lệnh Trợ-Chiến Hoa-Kỳ cạnh Biệt-Khu Thủ-Đô

Brigadier General CHARLES J. GIRARD
Chuẩn Tướng
CG, Capital Military Assistance Command
Tư-Lệnh Bộ Tư-Lệnh Trợ-Chiến Hoa-Kỳ
cạnh B.K.T.Đ.

Lieutenant General NGUYỄN VĂN MINH
Trung-Tướng
CG, Capital Military District
Tư-Lệnh Biệt-Khu Thủ-Đô

(Ký tên và đóng dấu)

(Ký tên và đóng dấu)

S AO Y CHANH BAN

KBC.6.733, Ngay 28 thang 12 nam 1971

Trưởng Ủy Trảm Xúc
Quản-Trưởng Đ.Đ. (K.Đ.Đ.)



Jan

UNITED STATES OF AMERICA
DEPARTMENT OF THE ARMY
U.S.A.R.V.
II FIELD FORCES
CAPITAL MILITARY ASSISTANCE COMMAND

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU QLVNCH
VÙNG 3 CHIẾN THUẬT
BIỆT KHU THỦ ĐÔ

 CERTIFICATE OF TRAINING

 HÙNG - HI
—o—o—o—

This is to certify that
Chúng nhận

SGT. NGUYỄN ĐĂNG DŨNG SN : 66/172.113

has successfully completed
đã theo học có kết quả khóa

THEORY AND OPERATION OF RADAR SET AN/PPS-4A
LÝ - THUYẾT VÀ KHAI - THÁC RADAR AN/PPS-4A

Organized at Capital Military District, Saigon, Viet-Nam,
12-23 December 1969.

Tổ chức tại Biệt-Khu Thủ-Đô, Saigon, Việt-Nam
từ 12 đến 23 tháng 12 năm 1969.

By U.S. Army Electronics Command, Technical Assistance
Do Phụ-tá Kỹ-Thuật Điện-Tử Quân-Lực Hoa-Kỳ hướng dẫn

Sponsor U.S. Capital Military Assistance Command
Dưới sự bảo trợ của Bộ Tư-Lệnh Trợ-Chiến Hoa-Kỳ cạnh Biệt-Khu Thủ-Đô

Brigadier General CHARLES J. GIRARD
Chuẩn Tướng
CG, Capital Military Assistance Command
Tư-Lệnh Bộ Tư-Lệnh Trợ-Chiến Hoa-Kỳ
cạnh B.K.T.Đ.

Lieutenant General NGUYỄN VĂN MINH
Trung-Tướng
CG, Capital Military District
Tư-Lệnh Biệt-Khu Thủ-Đô

(Ký tên và đóng dấu)

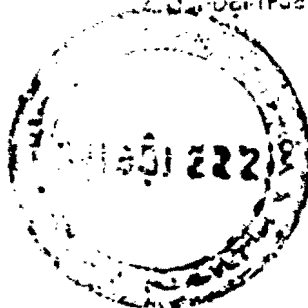
(Ký tên và đóng dấu)

S AO Y CHANH BAN

KBC.6.733, Ngay 28 thang 12 nam 1971

Tổng Ủy Trăn-Xuất Bản

Đã được Trưởng Ban chấp hành phê duyệt



Jan

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P APPLICANTS

ODP I.V #

Date:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

A. Basic Identification Data

1. Name : NGUYEN-DANG-DUNG
2. Other names: N/A
3. Date/Place of Birth: 1 Jan 1946 Thanh Hoa Province
4. Residence Address: 14 Ấp 3 Xã Tân Định Huyện Bến Cát Tỉnh Sông Bé
5. Mailing Address : 359/47H Nguyễn-Văn-Trôi Phường 22 Quận 3 TP/Hồ-Chí-Minh
LÊ-VĂN-SI
6. Current Occupation : Farmer

B. Relatives to Accompany me:

(Note: Your Spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital Status (MS) as follows: Married (M) Divorced

NAME	Date of Birth	Place of Birth	Sex	Relationship (D)
1. LÊ-THỊ-LUY	17-Apr-1949	Tân-Định, Bến-Cát	F	Wife
2. NGUYEN-DANG-DUW	29 Sept 1973	Bình-Dương	M	Son
3. NGUYEN-DANG-DUONG	11 Oct 1975	Bình-Dương	M	Son
4. NGUYEN-DANG-DZU	16 Nov 1981	Bình-Dương	M	Son

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth Certificates, Marriage Certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed). Identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

C. Relatives Outside Vietnam.

Of myself

Of my Spouse

1. Closest Relative in the U.S

a. Name

N/A

N/A

2. Closest relative in other Foreign Countries

a. Name: NGUYEN-THỊ-ANH-TUYẾT

b. Relationship: Half Sister

c. Address : S.W Calgary-alta T3E - 3H4 Canada.

D. Complete Family Listing (living/dead)

1. Father : NGUYEN-VAN-THAN (living)
2. Mother : LÊ-THỊ-TRINH (dead)
3. Spouse : LÊ-THỊ-LUY (living)
4. Children:
 - a. NGUYEN-DANG-DUY (living)
 - b. NGUYEN-DANG-DUONG (living)
 - c. NGUYEN-DANG-DZU (living)

6. Siblings :
- NGUYEN-THI-HUYNH-MAI (living)
 - NGUYEN-THI-MAI-HOA (living)
 - NGUYEN-QUOC-HUNG (living)
 - NGUYEN-DUC-THANG (living)

E. Employment by U.S Government Agencies or Other U.S Organization of you or your

1. Employee Name: NGUYEN-DANG-DUNG
Position title: Asst Clerk-typist
1st Log Comd APO 96307
Agency/Company/Office: 506th Field Depot APO 96491
Length of Employment From: 1964 to: 1968
Name of American Supervisor: W.O W-4 Mr Upham
W.O W-1 Mr Whyshell
Sgt. Louis
Capt Davis

Reason for Separation: Joined GVN Army

F. Service with GVN or RVNAF by you or your Spouse.

- Name of Person Serving: NGUYEN DANG DUNG
- Dates: From: 1968 To: 1975
- Last rank: 2nd/Lt Serial Number: 66/172.113
- Ministry/Office/Military Unit: Chief of An-Phu Sub-Sector Lai-Thieu District, Binh-Duong Province.
- Name of Supervisor/C.O: Ltc NGUYEN-THIE-BINH
- Reason for Separation: Downfall of Saigon.
- Names of American Advisor(s): N/A
- U.S Training Courses in Vietnam: Theory and operation of Radar Set AN/PPS-4A. 23 Dec 1969
- U.S Awards or Certificates. Name of award: Date received:
Letter of commendation Forgotten

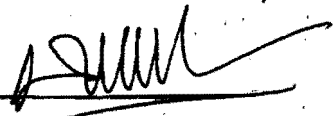
(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes _____ No X

G. Training Outside VN of You or Your Spouse: N/A

H. Re-education of you or your spouse.

- Name of Person in Reeducation: NGUYEN DANG DUNG
 - Time in Reeducation: From: 1975 To: 1981
 - Still in Reeducation: Yes _____ No X
(If released, we must have a copy of your release certificate.)
- I. Any Additional Remarks: N/A

Signature: 

Date: NOV 04 1989

J. Please List here all documents attached to this questionnaire.

Photocopies of here attached:

- 1. copy of Release Order. 6 1 Marriage certificate
- 3 Birth certificates of my 3 Sons
- 2 Birth certificates of me and my wife
- 1 copy of certificate of training/Rader course.

B "OI VU
Trại Tôn Niệp...
Số: 13/GRT

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 003-QLTG
Ban hành theo
công văn số
2565 ngày 21/11
năm 1972

SHSLĐ

Đã đăng ký từ ngày
đến trình diện

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 956-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an
Thi hành án văn, quyết định tha số: 09 Ngày 14 tháng 01 năm 1981

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Nguyễn Đăng Dũng

Họ, tên thường gọi: Đăng Dũng

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm 1946

Nơi sinh: Thanh Hóa

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt 257/47 HN Nguyễn

Văn Tân Quận 3 TP: Hồ Chí Minh

Cán tội: Thiếu tá phân chi khu trưởng

Bị bắt ngày: 27/10/75 An phạt: TT CT

Theo quyết định, án văn số: ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, công thành năm tháng

Đã được giảm án lần công thành năm tháng

Nay về cư trú tại: 257/47 HN Nguyễn Văn Tân Quận 3 TP: Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo:

(An tâm chế độ, trưởng)

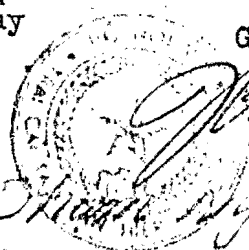
Lần tay ngón trỏ phải
của: Nguyễn Đăng Dũng
Đanh bản số: 15129
Lập tại: Tôn Niệp

Họ, tên, chữ ký
Người được cấp giấy

Ngày 30 tháng 01 năm 1981

Giám thị

Nguyễn Đăng Dũng



Phạm Ngọc Đồng



B "OI VU
Trại ~~Tôn Hiệp~~...
Số: ~~113~~/GRT

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG
Ban hành theo
công văn số
2565 ngày 21/11
năm 1972

SHSLĐ

đến tháng kể từ ngày
đến trình diện

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an
Thi hành án văn, quyết định tha số: *29* Ngày *19* tháng *01* năm *1981*
của *Bộ Nội vụ*

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: *Nguyễn Đăng Dũng*

Họ, tên thường gọi: *Đặng Dũng*

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm *1946*

Nơi sinh: *Thanh Hóa*

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt *25/4/74* ngày

Văn Tân Quận 3 TP Hồ Chí Minh

Cán tội: *Thiếu tá phân chi khu trưởng*

Bị bắt ngày: *27/6/74* tại *phạt* *TTCT*

Theo quyết định, án văn số: ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần công thành năm tháng

Đã được giảm án lần công thành năm tháng

Nay về cư trú tại: *25/4/74 Nguyễn Văn Tân Quận 3 TP Hồ Chí Minh*

Nhận xét quá trình cải tạo:

(An ninh chế độ, chính trị)

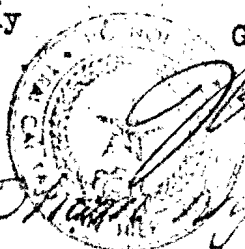
Lăn tay ngón trỏ phải
của: *Nguyễn Đăng Dũng*
Danh bản số: *15139*
Lập tại: *Tôn Hiệp*

Họ, tên, chữ ký
Người được cấp giấy

Ngày 30 tháng 01 năm 81

Giám thị

Nguyễn Đăng Dũng



Phạm Ngọc Hoàng

VIỆT-NAM CỘNG-HOA
PHỦ THỦ TƯỚNG

PHỦ TÔNG-ỦY CÔNG-VỤ
TTHL CÁN-BỘ QUỐC-GIA

Số 531B32 /PTUCV/TTHLCQG

CHỨNG-CHỈ TỐT-NGHIỆP

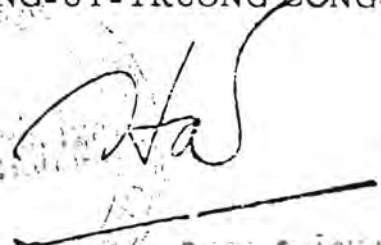
TRUNG-TÂM HUẤN-LUYỆN CÁN-BỘ QUỐC-GIA

Chứng nhận _____
Sanh năm 1946 _____ Bình Dương
đã Tốt-Nghiep Khóa _____
tại TRUNG-TÂM HUẤN-LUYỆN CÁN-BỘ QUỐC-GIA.
Khai giảng ngày 9 tháng 11 năm 1974 đến ngày 20 tháng 12 năm 1974

VŨNG-TÀU, ngày 20 tháng 12 năm 1974

KHÁN

TÔNG-ỦY-TRƯỞNG CÔNG-VỤ


TÔNG-ỦY-TRƯỞNG CÔNG-VỤ

BỘ-LỘ QUỐC-NGIA


BỘ-LỘ QUỐC-NGIA

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
PHỦ THỦ TƯỚNG

PHU TÔNG-ỦY CÔNG-VỤ
THỦ CÁN-BỘ QUỐC-GIA

Số 531B32 - 1PTUCV/THHCBOG

CHỨNG-CHỈ TỐT-NGHIỆP

TRUNG-TÂM HUẤN-LUYỆN CÁN-BỘ QUỐC-GIA

Chứng nhận _____
Sinh năm 1946 _____ Bình Dương
đã Tốt-Nghiep Khóa _____ CHI-HUY XÃ
tại TRUNG - TÂM HUẤN - LUYỆN CÁN - BỘ QUỐC - GIA.
Khai giảng ngày 9 tháng 11 năm 1974 đến ngày 20 tháng 12 năm 1974

VŨNG-TÀU, ngày 20 tháng 12 năm 1974

KHÁN

TỔNG-ỦY-TRƯỞNG CÔNG-VỤ



BỘ-TRƯỞNG QUÂN-HUYNH-HÀ



ĐẠI-TỔNG-NGUYỄN-TÀI-LÂM

Lục sao y bản chính đề tại
phòng Lục-sự Tòa Hòa-Giải Saigon.

HTBY/13



Số : 2345/HT (1)

Ngày 12 tháng 6 năm 19 67 (1)

GIẤY THỂ VI KHAI SANH CHO

NGUYỄN THỊ MINH THANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy

, ngày 12 tháng 6, hồi 8 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là PHAN VAN TU,

, Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Saigon,

tại văn-phòng chúng tôi, 115. Đại-lộ Nguyễn-Huệ

có Lục-sự PHAN THANH TO,

phụ tá,

Tờ thứ nhất :

ĐÃ TRÌNH-DIỆN :

1^o) - NGUYEN KHAC THOAI, công chức, 46 tuổi,
ngụ tại 3B Cư xá Trần Quốc Toản, căn cước
236161 Quân 5 cấp ngày 28-11-63;

2^o) - NGUYEN THANG, công chức, 47 tuổi, ngụ tại
446/5 ấp Tây I Phú Nhuận, căn cước 355196
Tân Bình cấp ngày 12-3-62;

PHƯỚC BÌNH TỰ IV

3o) - PHAM VAN THIET, công chức, 38 tuổi, ngụ
tại 187/2 ấp Tân Việt, Gia-định, căn cước
số 000246 Phước Bình cấp ngày 15-5-62;

Những nhân-chứng này đã tuyên-
thệ và khai quả-quyết biết chắc

NGUYỄN THỊ MINH THANH (nữ)
sinh ngày 27-8-1930 tại Bái Ninh, Thanh Hóa
(Trung phần), con của NGUYỄN VĂN THOM (c) và
NGUYỄN THỊ PHÚC (c);

Và duyên-cớ má NGUYỄN THỊ MINH THANH
không thể xin sao-lục khai sanh
được là vì : đương sự sanh trước ngày thiết lập
bộ đời;

Các nhân-chứng đã xác-nhận như
trên đây nên chúng tôi cấp giấy thế-vi khai sanh
này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu
theo Điều Năm của Nghị-định ngày 13 tháng ba
năm Một ngàn chín trăm ba mươi sáu.

Và các nhân-chứng có ký tên với
chúng tôi và viên Lục-sự, sau khi đọc lại.

Ký tên : đọc không được

Dưới có ghi :

Con
Bồ
Biê

Đóng sách-phần tại Trước bạ tại Ty III Saigon

Ngày 22-6-67 Q. 107 T. 42 S. 344/6

Thâu : Sáu chục đồng (60\$).

Ký tên : đọc không được.

Lục sao y

Saigon, ngày 29 tháng 6 năm 19 67
CHÁNH LỤC-SỰ,

Giá tiền :

Con niêm.	30\$00
Bổng lộc.	7\$50
Biên-lai.	0\$50
Cộng.	38\$00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280132080

Họ tên **LÊ THỊ XẬU**

Sinh ngày **1919**

Nguyên quán **Hòa Định,**

Bến Cát, Sông Bé

Nơi thường trú **Hòa Định,**

Bến Cát, Sông Bé



Dân tộc: kinh Tôn giáo: không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo thăn D0,6cm C2,6
dưới sau đuôi...rít
trái

Ngày 09 tháng 10 năm 1978

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY

Chưa

Đo Minh Hùng

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280.132080

Họ tên: LÊ THỊ XÂU



Sinh ngày: 1919

Nguyên quán: Hòa Định,

Bến Cát, Sông Bé

Nơi thường trú: Hòa Định,

Bến Cát, Sông Bé

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo thẳng D0, 6cm C2, 6
dưới sau đuôi...át...
trái

Ngày 09 tháng 10 năm 1978

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY

Chua

Minh Hiền

Lục sao y bản chính đề tại
phòng Lục-sự Tòa Hòa-Giải Saigon.



HTBY/5

Số : 2345/HT (1)

Ngày 12 tháng 6 năm 19 67 (1)

GIẤY THẺ VI KHAI SANH CHO

NGUYỄN THỊ MINH THANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy

ngày 12 tháng 6 , hồi 8 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là PHAN VAN TU,

, Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Saigon,

tại văn-phòng chúng tôi, 115. Đại-lộ Nguyễn-Huệ

có Lục-sự PHAN THANH TO,

phụ tá,

Tờ thứ nhất :

ĐÃ TRÌNH-DIỆN :

1o) - NGUYEN KHAC THOAI, công chức, 46 tuổi,
ngụ tại 3B Cư xá Trần Quốc Toản, căn cước
236161 Quân 5 cấp ngày 28-11-63;

2o) - NGUYEN THANG, công chức, 47 tuổi, ngụ tại
446/5 ấp Tây I Phú Nhuận, căn cước 355196
Tân Bình cấp ngày 12-3-62;

KH-5103 MAH-131V

3o) - PHAM VAN THIEP, công chức, 38 tuổi, ngụ
tại 187/2 ấp Tân Việt, Gia-định, căn cước
số 000246 Phước Bình cấp ngày 15-5-62;

Những nhân-chứng này đã tuyên-
thệ và khai-quả-quyết biết chắc

NGUYỄN THỊ MINH THANH (nữ)
sinh ngày 27-8-1930 tại Bái Ninh, Thanh Hóa
(Trung phần), con của NGUYỄN VĂN THOM (o) và
NGUYỄN THỊ PHÚC (o);

Và duyên-cớ mà NGUYỄN THỊ MINH THANH
không thể xin sao-lục khai sinh
được là vì: đương sự sinh trước ngày thiết lập
bộ đời;

Các nhân-chứng đã xác-nhận như
trên đây nên chúng tôi cấp giấy thế-vi khai sinh
này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu
theo Điều Năm của Nghị-định ngày 13 tháng ba
năm Một ngàn chín trăm ba mươi sáu.

Và các nhân-chứng có ký tên với
chúng tôi và viên Lục-sự, sau khi đọc lại.

Ký tên : đọc không được

Dưới có ghi :

Đóng hách-phần tại Trước bạ tại Ty III Saigon

Ngày 22-6-67 Q. 107 T. 42 S. 344/6

Thâu : Sáu chục đồng (60\$).

Ký tên : đọc không được.

Lục sao y

Saigon, ngày 29 tháng 6 năm 19 67
CHÁNH LỤC-SY.

Giá tiền :

Con niêm.....	30\$00
Bồng lộc.....	7\$50
Biên-lai.....	0\$50
Cộng.....	38\$00